

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Số: 569 /QĐ-CDYT-HCTH.

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố, công khai Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê của Trường cao đẳng Y tế Hà Đông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

- Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Quy định việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;

- Căn cứ Căn cứ Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 22/8/2025 của Hội đồng Trường về việc thông qua Đề án Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 25/8/2025 của Hội đồng Trường về việc ban hành Đề án Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố, công khai Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê của Trường cao đẳng Y tế Hà Đông (có Đề án kèm theo).

Địa điểm công khai: Bảng tin tầng 1, nhà 7 tầng của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông có địa chỉ tại số 39 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, TP Hà Nội và trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường: <https://cdythadong.edu.vn/>

Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày 25/08/2025 đến ngày 25/9/2025.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Trưởng, Phó phụ trách các đơn vị: Phòng Hành chính – Tổng hợp, Phòng Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị, cá nhân thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở tài chính Hà Nội;
- Ban Giám hiệu Trường;
- Đảng ủy Trường;
- Thành viên HĐT;
- Như điều 3;
- Lưu VT, Thư ký HĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Trường

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Số: 15 /QĐ-HĐT

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Đề án Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê của Trường cao đẳng Y tế Hà Đông

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 1550/2024/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 12/4/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Hội đồng trường và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Trường cao đẳng Y tế Hà Đông nhiệm kỳ 2023 - 2028 (Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-HĐT ngày 03/01/2025 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông (Ban hành kèm theo Quyết định số 411-QĐ/ĐU ngày 03/11/2025 của Đảng ủy);

Căn cứ Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Quy định việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (thực hiện điểm a, b khoản 4 điều 41 Luật Thủ Đô);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng trường ngày 22 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 22/8/2025 của Hội đồng Trường về việc thông qua Đề án Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này là Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê của Trường cao đẳng Y tế Hà Đông.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Thành viên Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị, cá nhân thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở tài chính Hà Nội;
- Ban Giám hiệu Trường;
- Đảng ủy Trường;
- Thành viên HĐT;
- Như điều 3;
- Lưu VT, Thư ký HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Thị Thu Trang

ĐỀ ÁN

Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê theo nhiệm vụ và quyền hạn của Trường cao đẳng Y tế Hà Đông
(Ban hành kèm theo quyết định số 15/QĐ-HĐT ngày 25/08/2025 của Hội đồng Trường Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông)

Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông xây dựng Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê, như sau:

I. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Thông tin trung

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Hadong Medical College.
- Thuộc: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ: 39 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, TP Hà Nội.
- Điện thoại: (04) 33 824 523; Fax: (04) 33 515 812
- Email: tcdythd@hanoi.gov.vn
- Website: www.cdythadong.edu.vn
- Quyết định thành lập: Quyết định số 6874/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Y tế Hà Tây trên cơ sở trường Trung học Y tế Hà Tây; Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 của UBND Thành phố Hà Nội về việc đổi tên trường Cao đẳng Y tế Hà Tây thành trường Cao đẳng Y tế Hà Đông thuộc Sở Y tế thành phố Hà Nội; Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển trường Cao đẳng Y tế Hà Đông về trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Thủ đô năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều

của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết (thực hiện điểm a, b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô);

- Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND thành phố về phê duyệt Đề án “nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/4/2025 của UBND Thành phố về thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025 – 2030, định hướng đến năm 2035;

- Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 91/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 03/11/2022; giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 91a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 17/01/2024; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 91b/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/4/2024; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 91c/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 28/02/2025

3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường

Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND Thành phố Hà Nội, cụ thể:

3.1. Vị trí, chức năng

a) Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục & Đào tạo; có tư cách pháp nhân; có con dấu riêng; có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành y, ngành dược của thành phố Hà Nội ở trình độ cao đẳng và ở các trình độ thấp hơn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

3.2.1. Nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và đào tạo các ngành, nghề đặc thù theo quy định của Chính phủ;

đ) Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

e) Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ và các chính sách khác theo quy định của pháp luật;

h) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường đảm bảo đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

i) Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết

việc làm cho người học theo quy định của pháp luật;

l) Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp;

m) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;

n) Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

o) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật;

p) Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định;

q) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2.2. Quyền hạn:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;

b) Tổ chức đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm khai thác, huy động các nguồn lực xã hội trong thực hiện các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo chịu trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học;

d) Liên kết, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành;

đ) Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu, học liệu giảng dạy; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo;

e) Tổ chức giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho

học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành;

g) Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc trường theo cơ cấu tổ chức được phê duyệt trong quy chế tổ chức, hoạt động của trường; bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật viên chức và phân cấp quản lý viên chức.

i) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn chức danh nghề nghiệp của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

k) Tổ chức hoạt động phát triển, đánh giá kỹ năng nghề theo quy định của Chính phủ;

l) Tổ chức hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ;

m) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, chi cho các hoạt động đào tạo, bổ sung nguồn tài chính của trường và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

n) Huy động, nhận tài trợ, quản lý và sử dụng nguồn huy động, tài trợ theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động của trường;

o) Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và sử dụng nguồn tài chính theo quy định của pháp luật;

p) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được tham gia đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật;

q) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường

- Hội đồng trường: gồm Chủ tịch Hội đồng trường và 14 thành viên;

- Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng:

- Các đơn vị trực thuộc: 6 phòng chức năng: Phòng Đào tạo và quản lý khoa học; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Kế hoạch-Tài chính; Phòng Công tác chính trị và Quản lý học sinh-sinh viên; Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng giáo dục; 11 Bộ môn trực thuộc: Y học cơ sở; Lâm sàng; Điều dưỡng; Y tế cộng đồng; Chăm sóc sức khoẻ sinh sản; Nhi; Chính trị-Giáo dục thể chất-Giáo dục quốc phòng; Văn hoá-Tin học-Ngoại ngữ; Dược; Bào chế và Công nghiệp dược, Bộ môn Thẩm mỹ và chăm sóc sắc đẹp và 03 Trung tâm: Trung tâm thực hành khám chữa bệnh; Trung tâm Thông tin Thư viện và in ấn; Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội và hợp tác quốc tế.

3.6. Đối tượng phục vụ, cung cấp dịch vụ của Nhà trường

Nhà trường có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành y, ngành dược của thành phố Hà Nội ở trình độ cao đẳng và ở các trình độ thấp hơn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật. Do vậy, đối tượng phục vụ, cung cấp dịch vụ của Nhà trường là học sinh, người lao động đủ tuổi lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhu cầu học tập, bồi dưỡng kiến thức ngành y, ngành dược ở trình độ cao đẳng và trình độ thấp hơn dự thi, xin xét tuyển và trúng tuyển vào Nhà trường.

Nhà trường có nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ và các chính sách khác theo quy định của pháp luật, đối tượng phục vụ, cung cấp dịch vụ của Nhà trường còn là lao động tại nông thôn, lao động nữ và những lao động thuộc đối tượng được ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề khác theo quy định của pháp luật.

3.7. Các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường bao gồm

Liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm khai thác, huy động các nguồn lực xã hội trong thực hiện các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo chịu trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học.

Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu, học liệu giảng dạy; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo

Liên kết, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn chức danh nghề nghiệp của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tổ chức hoạt động phát triển, đánh giá kỹ năng nghề theo

quy định của Chính phủ.

Tổ chức hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ. Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, chi cho các hoạt động đào tạo, bổ sung nguồn tài chính của trường và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật. Huy động, nhận tài trợ, quản lý và sử dụng nguồn huy động, tài trợ theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động của trường.

Căng tin/nhà ăn trong trường nhằm phục vụ ăn uống cho sinh viên trong khu nội trú ký túc xá và sinh viên ngoại trú, phục vụ CBGV và khách đến làm việc tại trường. Bãi trông giữ xe phục vụ trông giữ xe cho sinh viên trong khu nội trú ký túc xá và sinh viên ngoại trú, phục vụ CBGV và khách đến làm việc tại trường. Nhà đa năng phục vụ cho nhu cầu học tập và tập luyện TDTT trong và ngoài giờ cho toàn thể CBGV, SV và khách của nhà trường

3.8. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ giao

3.8.1. Kết quả tuyển sinh và đào tạo:

Tính đến tháng 5 năm 2025, Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, bao gồm các ngành nghề sau:

STT	Ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
1	Y sỹ đa khoa	6720101	160	Cao đẳng
2	Y học cổ truyền	6720102	90 (3/2025)	Cao đẳng
3	Dược	6720301	420	Cao đẳng
4	Điều dưỡng	6720301	680	Cao đẳng
5	Hộ sinh	6720303	90	Cao đẳng
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6720602	90	Cao đẳng
7	Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	6720604	90 (3/2025)	Cao đẳng
8	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	90	Cao đẳng
	Tổng		1710	

* Kết quả tuyển sinh 2022 – 2024:

Năm	Hệ chính quy	Hệ liên thông CD, VB2	Tổng số tuyển sinh	Đạt tỷ lệ %
2022	816	100	916	71,8%
2023	881	224	1105	86,5%
2024	1.280	0	1.280	83,8%

Hiện nay công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng trong cả nước nói chung và

của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông đang gặp nhiều khó khăn. Trên thực tế thống kê kết quả tuyển sinh 03 năm gần đây, rất nhiều trường có những chuyên ngành không tuyển sinh được, phần lớn nhiều trường đều thiếu số lượng sinh viên đầu vào so với chỉ tiêu đề ra. Đặc biệt là các trường đào tạo nghề ở bậc trung cấp, cao đẳng, các trường này khó khăn hơn khi không kết nối được với dữ liệu tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường phải “tự thân vận động”, tự tổ chức tư vấn tuyển sinh tại các trường phổ thông, các trường trung học cơ sở, tuy nhiên cũng không dễ thu hút được học sinh.

Trong 03 năm gần đây (2022, 2023, 2024), mặc dù kết quả tuyển sinh của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông đã có những kết quả tăng nhất định so với các năm trước, nhưng công tác tuyển sinh chưa thực sự đạt được kết quả cao, các năm đều chưa tuyển sinh đủ chỉ tiêu đã đề ra.

** Kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo 2022 – 2024:*

Năm	Xếp loại	Cao đẳng		Trung cấp		Ghi chú
		Số học viên	Tỷ lệ % xếp loại	Số học viên	Tỷ lệ % xếp loại	
2022	Xuất sắc	5	0.70	0	0	
	Giỏi	204	28.41	0	0	
	Khá	406	56.55	18	90	
	TB Khá	100	13.93	02	10	
	TB	3	0.41	0	0	
2023	Xuất sắc	8	1.00	1	3.23	
	Giỏi	149	18.70	1	3.23	
	Khá	556	69.76	14	45.16	
	TB Khá	33	4.14	0	0	
	TB	51	6.40	15	48.38	
2024	Xuất sắc	61	8.14	0	0	
	Giỏi	164	23.7	7	12.28	
	Khá	346	50.0	29	50.88	
	Trung bình	121	17.49	21	36.84	

Chương trình đào tạo (CTĐT) và giáo trình được xây dựng đầy đủ cho tất cả các ngành nghề nhà trường đang đào tạo và thực hiện không những phù hợp với quy định pháp luật về mục tiêu, nội dung, quy trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo mà còn có sự tham khảo từ những chương trình tiên tiến, đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo tính chủ động của người học, sự đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực trên cả nước. Quy mô và cơ cấu chương trình được Nhà trường phát triển phù hợp, tận dụng được lợi thế của Nhà trường trong đào tạo nhóm ngành sức khỏe.

Việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo đúng quy chế. Tổ chức thi, kiểm tra hết học phần/mô đun, học lại thi lại đúng kế hoạch, đúng quy định.

Việc sinh viên được thực tập tại các cơ sở y tế, các doanh nghiệp giúp cho các em có những trải nghiệm thực tế và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, có cái nhìn tổng quát cho ngành nghề, gắn kết giữa kiến thức lý thuyết và thực tế. Theo tổng kết, đa số các em đã có ý thức tham gia thực tập, tuân thủ các nội quy tại các cơ sở y tế, các

đơn vị để hoàn thành tốt công tác thực tập; được các cơ sở y tế, đơn vị quan tâm, hướng dẫn nhiệt tình, trách nhiệm.

3.8.2. *Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên:*

Tính đến thời điểm 1/7/2025, tổng số viên chức, hợp đồng lao động là 127 người (113 viên chức và 14 lao động hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP). Về trình độ chuyên môn của đội ngũ nhà giáo: nhà trường hiện có 08 Tiến sĩ và CKII; 56 Thạc sĩ và Chuyên khoa I và 8 đại học.

Ngoài ra, nhà trường ký hợp đồng giảng dạy với đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm đã nghỉ hưu và giảng viên thỉnh giảng là Tiến sĩ, Thạc sĩ, Chuyên khoa I, II, Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng... tại Bệnh viện, các cơ sở y tế. Đội ngũ nhà giáo của nhà trường đều đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm theo quy định tại Thông tư số 05/TT-BLĐTBXH.

Với đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu hiện nay, số lượng giảng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo quy mô tuyển sinh hiện có của nhà trường.

Về ngoại ngữ, đa số cán bộ giảng dạy của Trường đều có trình độ B trở lên. Đặc biệt một số cán bộ có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, nghiên cứu khoa học, tham khảo tài liệu trên Internet nhằm phục vụ tốt việc giảng dạy.

Về tin học 100% giảng viên, giáo viên đều có trình độ tin học ứng dụng đáp ứng để làm công tác chuyên môn, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Về thâm niên giảng dạy, có 15,5% giảng viên có thâm niên trên 20 năm; 77,3% giảng viên có thâm niên trên 10 năm; 7,2% giảng viên có thâm niên dưới 10 năm.

Xét về độ tuổi: Độ tuổi của đội ngũ giảng viên trong toàn trường nhìn chung được trẻ hóa, cụ thể: 43,5% có độ tuổi từ 31 đến 40; 40,6% có độ tuổi từ 40 - 50 tuổi; 15,9% có độ tuổi từ 50 tuổi trở lên.

Hiện tại, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường gồm 20 người, 95% có trình độ sau đại học, 100% có kiến thức quản lý Nhà nước và lý luận chính trị. Nhiều năm liền, đội ngũ cán bộ quản lý đều được đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức, năng lực điều hành quản lý, có thành tích được các cấp khen thưởng

Căn cứ vào số lượng người làm việc và vị trí việc làm nhà trường đã sắp xếp, bố trí, sử dụng viên chức về cơ bản đảm bảo đúng ngành nghề được đào tạo, năng lực sở trường của viên chức, đảm bảo cơ cấu, phù hợp vị trí việc làm theo đúng quy định.

3.8.3. *Hợp tác đào tạo trong nước và ngoài nước:*

Nhà trường đã ký kết hợp tác đào tạo với nhiều bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh, trung tâm y tế, trạm y tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội như: Bệnh viện đa khoa Hà Đông, Thanh Nhàn, Phổi, Thương Tín, Hoài Đức, Văn Đình, Quốc Oai, Thanh Oai, Phú Xuyên, Ứng Hòa...; hệ thống Nhà thuốc FPT Long Châu, Công ty Dược phẩm Mediplantex... Các doanh nghiệp trên địa bàn tích cực phối hợp với nhà trường trong công tác đào tạo, tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tiếp nhận

DANH SÁCH
TRƯỜNG
AO
Y
HÀ

học sinh, sinh viên đến thực hành, thực tập, tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp của nhà trường...

Các hoạt động hợp tác quốc tế trong việc tìm kiếm các doanh nghiệp, hiệp hội y tế quốc tế với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo hướng tới cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực và quốc tế đặc biệt là ngành Điều dưỡng như: Hiệp hội lễ nghi văn hóa ứng xử Nhật Bản, Viện Phúc lợi Xã hội Châu Á và Quốc tế thuộc ĐH Shukutoku, Đại học Tokyo, Đại học học viện Kansai, Đại học công tác xã hội Nhật Bản, Trung tâm Giáo dục & Đào tạo Châu Á Padang, Công ty cổ phần Lotus Human Resources, Trường Cao đẳng giáo dục, Công ty TNHH Hợp tác quốc tế Hikari Việt Nam, Tập đoàn Hutter.e.K, Công ty CP nhân lực quốc tế VILACO, Tập đoàn giáo dục Hokuto Bunka Gakuen, đại học Hokuto Gakuen và Viện dưỡng lão Diên Hồng. Đại học Tokyo, Đại học học viện Kansai, Viện Phúc lợi xã hội Châu Á & Quốc tế - ĐH Shukutoku, ĐH Công tác XH Nhật Bản, Trường CĐ giáo dục (Educare College) – Úc, Tập đoàn Hutter.e.K (Đức). Ký kết với doanh nghiệp Việt Nam 2024: Công ty cổ phần nhân lực Quốc tế Việt (VILACO), Công ty cổ phần Diên Hồng Hà Nội, Công ty TNHH phát triển dịch vụ Việt Á (VIASERCO), Công ty tập đoàn sức khỏe và vẻ đẹp thông minh hoa kỳ - Học viên Harlaw.

3.8.4. Cơ sở vật chất:

Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 15.664 m², diện tích xây dựng chính và các công trình: 3.905 m² (được bố trí 59 phòng thực hành, 21 giảng đường, 34 phòng làm việc; nhà thể chất đa năng; khu ký túc xá sinh viên đáp ứng 800 chỗ ở); diện tích sân bãi, vườn hoa cây cảnh và đường đi nội bộ là: 11.759 m².

Nhà trường có Trung tâm thực hành khám chữa bệnh, Trung tâm thực hành kỹ năng điều dưỡng, xưởng Dược được sử dụng như là nơi thực hành, thực tập với trang bị đầy đủ thiết bị, máy móc hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

Trung tâm thực hành khám chữa bệnh được thành lập theo Quyết định của UBND thành phố Hà Nội, và sự cấp phép hoạt động của Sở Y tế Hà Nội tương đương với bệnh viện hạng III có diện tích khám chữa bệnh gồm các phòng khám Nội, Ngoại, Sản, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, xét nghiệm, siêu âm, chụp X quang...với các trang thiết bị chuyên ngành Nội, Ngoại khoa, chuyên khoa Mắt....các phòng học đều được trang bị đầy đủ các phương tiện trang thiết bị đáp ứng tốt phương pháp dạy học tích cực, đây là cơ sở thực hành khám chữa bệnh cho HSSV.

Trung tâm thực hành kỹ năng điều dưỡng với tổng diện tích 200m², có quy mô hiện đại, gồm 03 phòng thực hành tiền lâm sàng được trang bị những mô hình thiết bị dạy học hiện đại. Xưởng Dược được xây dựng mới vào năm 2008 với trang thiết bị để sinh viên thực hành bào chế dược phẩm. Khu căng tin nhà ăn với diện tích 120m² được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ dịch vụ ăn uống cho cán bộ, giảng viên và HSSV.

Hằng năm, Trường đều có kế hoạch mua sắm bổ sung mới, bảo dưỡng, sửa chữa một số thiết bị cho các phòng thực hành, thí nghiệm trên cơ sở nhu cầu của các bộ môn, trung tâm.

3.8.5. Cơ chế tài chính:

Từ năm 2019 đến nay Nhà trường được UBND thành phố giao tự chủ về chi thường xuyên và công tác tài chính của trường thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện mức thu học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Xây dựng kế hoạch và dự toán các nguồn lực hàng năm kịp thời trình các Sở, Ngành và Thành phố phê duyệt.

Bộ phận Tài chính làm tốt công tác thu, chi dự toán ngân sách năm và quyết toán đúng kỳ hạn nộp Sở Tài chính đúng theo các quy định hiện hành.

Công tác quản lý tài chính và điều hành hoạt động tài chính được thực hiện nghiêm túc theo đúng chế độ về quản lý tài chính, đảm bảo tính công khai, dân chủ, đúng chế độ, chính sách hiện hành và đảm bảo thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán. Thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã phát huy quyền tự chủ, chủ động khai thác các nguồn thu sự nghiệp; chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo yêu cầu hoạt động của Nhà trường, đảm bảo chi tiêu hiệu quả, tiết kiệm, không lãng phí trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng từ đầu năm.

Hàng năm thực hiện công khai tài chính đồng thời đảm bảo công khai minh bạch các hoạt động thu, chi theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài việc đảm bảo tiền lương cơ bản theo ngạch bậc do Nhà nước quy định. Nhà trường đã thực hiện tiết kiệm chi của đơn vị nhằm từng bước tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ giảng viên trong toàn trường và khuyến khích động viên cán bộ giảng viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo chất lượng trong giảng dạy, gắn bó lâu dài với nhà trường.

Thực hiện tự chủ về tài chính giúp cho Thủ trưởng đơn vị được quyết định mức chi phí quản lý đảm bảo hiệu quả, chất lượng và chủ động trong việc quản lý các nguồn được sử dụng của đơn vị.

Bảng tổng hợp thu hoạt động sự nghiệp và dịch vụ 2022 – 2024

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	Kinh phí NSNN cấp	3.336.870.000	4.724.630.000	30.047.000.000
1	Năm trước chuyển sang	34.870.000	148.630.000	
a	Kinh phí chi thường xuyên (Miễn, giảm học phí)	34.870.000	148.630.000	
b	Kinh phí chi không thường xuyên (Sửa chữa chống xuống cấp)			
2	Thu NSNN	3.302.000.000	4.576.000.000	30.047.000.000
a	Kinh phí chi thường xuyên (Miễn, giảm học phí)	588.000.000	4.571.000.000	17.431.000.000

b	Kinh phí chi không thường xuyên (Sửa chữa chống xuống cấp)	2.714.000.000	5.000.000	12.616.000.000
II	Thu sự nghiệp	34.182.360.709	33.493.299.889	45.864.987.784
1	Năm trước chuyển sang			
2	Doanh thu			
a	Thu học phí	29.397.788.340	29.701.305.000	41.745.244.000
b	Thu từ dịch vụ đào tạo, sx kinh doanh	4.397.872.987	3.226.563.348	3.613.411.078
c	Thu khác	386.699.382	565.431.541	506.332.706

4. Phương hướng nhiệm vụ các năm tiếp theo

4.1. Mục tiêu chung

- Phát huy nội lực, phân đầu xây dựng Trường Cao đẳng Y tế Hà đông trở thành trường Cao đẳng đào tạo cán bộ y tế lớn mạnh, cùng với việc triển khai đồng bộ, toàn diện các mặt công tác theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, là đơn vị đào tạo ngành y dược, theo mô hình chất lượng cao góp phần cùng với Thủ đô, đất nước xây dựng nguồn nhân lực chất lượng có năng lực, đạo đức nghề nghiệp. Chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo tiên tiến, nghiên cứu và ứng dụng khoa học-công nghệ. Hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, môi trường giáo dục kỷ cương và thân thiện với người học. Cung ứng dịch vụ đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao trong các lĩnh vực y dược, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô và đất nước trong sự nghiệp Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá.

Đổi mới căn bản và toàn diện đảm bảo mang lại điều kiện làm việc thuận lợi, phát huy cao độ trí tuệ, năng lực cán bộ, giáo viên Nhà trường trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho người học không ngừng nâng cao chất lượng học tập nắm vững kỹ năng tiên tiến hiện đại và những kiến thức cần thiết để tiến thân lập nghiệp; phân đầu trở thành trường cao đẳng nghề tiếp cận trình độ quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp y tế

Thực hiện đào tạo gắn với thực tiễn thông qua hệ thống cơ sở thực hành, có mô hình quản trị tiên tiến, môi trường học thuật sáng tạo, hệ thống tài chính vững mạnh, cơ sở vật chất hiện đại.

4.2. Mục tiêu cụ thể

4.2.1. Về tổ chức bộ máy, đội ngũ

(1) Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với từng giai đoạn.

(1) 100% giảng viên đạt chuẩn; từ 10 - 15% có trình độ tiến sĩ.

(2) 100% giảng viên, cán bộ, chuyên viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, giải quyết công việc.

(3) Hằng năm, ít nhất 50% đội ngũ nhà giáo được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ.

(4) Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tế và năng lực sư phạm tốt.

(5) Có chính sách thu hút đội ngũ y bác sĩ, dược sĩ có trình độ chuyên môn cao tham gia giảng dạy và khám chữa bệnh.

4.2.2. Về đào tạo

(1) Mở ít nhất 02 mã ngành mới đáp ứng nhu cầu xã hội; 05 mã ngành đào tạo ngắn hạn.

(2) Tuyển sinh hằng năm đạt trên 90% chỉ tiêu được giao.

(3) Nâng tổng quy mô đào tạo khoảng từ 3500- 4000 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc hàng năm từ 20-30%; Kết thúc khóa đào tạo, tỷ lệ bỏ học của học sinh, sinh viên của toàn trường không vượt quá 20% tổng số tuyển sinh; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng là 80% trở lên.

(4) Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực, tăng cường thực hành và kỹ năng mềm cho sinh viên.

(5) 100% chương trình được cập nhật theo chuẩn đầu ra.

(6) 100% chương trình đào tạo chính quy ứng dụng CNTT và phối hợp dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến.

(7) Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% môn học, mô đun của ngành, nghề đào tạo.

(8) Trong thời gian 3 năm liên tiếp, trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp thành phố, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp thành phố, bộ, ngành, quốc gia.

(9) Hằng năm, có ít nhất 1 (một) ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.

4.2.3. Về nghiên cứu khoa học và ứng dụng

(1) Hàng năm có từ 15 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp trường được nghiệm thu. Tổ chức từ 1-2 hội thảo khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

(2) Có ít nhất 01 đề tài cấp Bộ, Thành phố.

(3) Hằng năm nhà trường hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 1 (một) đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.

(4) Hằng năm có ít nhất 1 (một) bài báo hoặc công trình khoa học của nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý được công bố trên các tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.

4.2.4. Về công tác đảm bảo chất lượng

(1) Xây dựng hồ sơ đánh giá, nghiệm thu chuẩn đầu ra của 100% chương trình đào tạo trong Nhà trường.

(2) Công tác tự đánh giá chất lượng GDNN và các chương trình đào tạo thực hiện trên phần mềm và đạt chuẩn.

(3) Có tối thiểu 01 chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn khu vực Asean và 02 chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

(4) Đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2030 - 2035.

4.2.5. Về hợp tác - liên kết

(1) Ký kết hợp tác với 1-2 cơ sở y tế tuyến trung ương về đào tạo thực hành.

(2) Hợp tác hiệu quả với ít nhất 5- 10 đối tác trong và ngoài nước về đào tạo, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Có chương trình hợp tác quốc tế trao đổi giảng viên, sinh viên.

4.2.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo

(1) Nâng cấp và mở rộng các khu thực hành, thí nghiệm, nhà xưởng; bổ sung thiết bị mô phỏng hiện đại, được sắp xếp theo 3 cấp độ: bảo đảm đào tạo các kỹ năng cơ bản, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế.

(2) Các thiết bị đào tạo đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo.

4.2.7. Về quản trị và tài chính

(1) Các hoạt động của trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

(2) Đẩy mạnh các nguồn thu xã hội hóa từ các trung tâm trực thuộc Nhà trường, cho thuê tài sản công, liên doanh liên kết,...

Kế hoạch thu chi tài chính trong các năm tới:

+ Thu

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1. Thu học phí	57.985	68.849	79.840
2. Thu khác (dịch vụ trông xe, nhà ăn, dịch vụ khám chữa bệnh, thu giáo trình, nội trú, thu cho thuê phòng)	3.500	5.882	6.185
Tổng cộng	61.485	74.731	86.025

+ Chi

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý	18.128	23.926	25.911
2. Chi tiền lương	19.356	21.051	22.946
3. Chi khác	7.580	8.692	9.706

Tổng cộng	45.064	53.669	58.563
-----------	--------	--------	--------

Từ kết quả đánh giá thu chi và kế hoạch thu chi trong các năm tới (2025-2027) cho thấy là một đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính hoàn toàn thì việc tăng các nguồn thu nhằm đảm bảo hoạt động giáo dục của nhà trường là hết sức cần thiết. Trong đó, việc sử dụng tài sản công tại đơn vị vào mục đích kinh doanh, cho thuê để tận dụng nguồn lực dư thừa do thực tế một số tài sản chưa được sử dụng hết công suất góp phần làm tăng nguồn thu mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho đơn vị là một trong những phương án được đánh giá là kịp thời, cần thiết và phù hợp với chỉ đạo của Thành phố.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại Nhà trường

Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông có 01 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất sử dụng là 15.664 m². Nhà trường được UBND Thành phố ra quyết định số 6916/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 về phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại Nhà trường theo các nhóm tài sản

1) Nhà 7 tầng (Phòng làm việc Ban giám hiệu, các Phòng, Thư viện, Phòng họp, Hội trường, giảng đường, phòng máy tính): diện tích xây dựng 3.049,5 m², gồm 6 giảng đường, 3 hội trường, 01 phòng thư viện, 01 trung tâm thông tin Thư viện In ấn, 19 phòng làm việc, 01 phòng làm đề thi, 01 phòng thi máy tính.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2012
- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 07 tầng
- Tổng diện tích sử dụng: 3049,5 m².

2) Khu nhà A2, A3: diện tích xây dựng 640m², gồm 03 giảng đường, 01 phòng Thực hành, 06 phòng làm việc.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 1960
- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 01 tầng
- Tổng diện tích sử dụng: 640m²

3) Nhà thể chất: diện tích xây dựng 600m², gồm 01 phòng học giáo dục thể chất kết hợp làm hội trường lớn và công trình phụ trợ.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2010
- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 01 tầng
- Tổng diện tích sử dụng: 600m²

4) Khu nhà Dược 3 tầng: diện tích xây dựng 1.113m², gồm 16 phòng học thực hành.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2007

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 03 tầng

- Tổng diện tích sử dụng: 1.113m²

5) Trung tâm thực hành khám chữa bệnh: diện tích xây dựng 580m², gồm 11 phòng khám chuyên khoa và phòng dược, 3 phòng làm việc cho cán bộ của Trung tâm.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2006

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 02 tầng

- Tổng diện tích sử dụng: 580m²

6) Khu nhà D (Xưởng dược): diện tích xây dựng 646m², là diện tích làm xưởng bào chế và công nghiệp Dược và 02 giảng đường

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2017

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 02 tầng

- Tổng diện tích sử dụng: 646m²

7) Khu nhà T (3 tầng C3 cũ): diện tích xây dựng 1.120m², gồm 11 giảng đường, 01 phòng Hội đồng.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 1990

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 03 tầng

- Tổng diện tích sử dụng: 1120m²

8) Khu thực hành kỹ năng Điều dưỡng: diện tích xây dựng 992m², gồm 01 Trung tâm thực hành kỹ năng điều dưỡng, 04 phòng thực hành điều dưỡng, 01 kho vật tư, trang thiết bị thực hành, 01 khu căng tin (nhà ăn).

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2012

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 03 tầng

- Tổng diện tích sử dụng: 992m²

9) Khu nhà B: diện tích xây dựng 179m², gồm 2 giảng đường.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2013

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 01 tầng

- Tổng diện tích sử dụng: 179m²

10) Khu ký túc xá: diện tích xây dựng 4.550.5m², trong đó khu nhà ký túc xá 5 tầng cũ (xây dựng năm 2013): 1.224m²; khu ký túc xá 5 tầng mới (2017): 1.058,4 m²; Khu ký túc xá 4 tầng (xây dựng năm 2008): 2.268m² gồm 59 phòng ở ký túc xá, 18 phòng thực hành, 01 giảng đường, 01 phòng làm việc.

11) Nhà kho và hồ sơ lưu trữ: diện tích xây dựng 191m², gồm 01 tòa nhà 2 tầng có 02 phòng học thực hành và 01 nhà kho, 01 phòng hồ sơ lưu trữ.

- Thời điểm xây dựng và đưa vào sử dụng: Năm 2015

- Kết cấu công trình: Bê tông cốt thép, số tầng: 02 tầng

- Tổng diện tích sử dụng: 191m²

12) Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng 40m², xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2010

13) Nhà để xe cho học sinh sinh viên và cán bộ nhân viên: diện tích sử dụng: 500m²

14) Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ khác: Trạm Biến áp, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, công, tường rào, sân, đường nội bộ, sân tập thể thao, cây xanh ... được cải tạo, xây dựng mới, đưa vào sử dụng từ năm 2017 với diện tích đất sử dụng 10.978,5m²

*** Số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại của các công trình:**

TT	Công trình xây dựng	DT sàn xây dựng (m ²)	Nguyên giá (Đồng)	Giá trị còn lại 31/12/2024 (Đồng)
1	Nhà hiệu bộ 7 tầng	3.049,5	24.777.088.000	20.924.022.966
2	Khu nhà A2, A3	640,0	2.359.014.388	1.518.899.812
3	Nhà thể chất	730,0	7.170.450.527	5.882.971.229
4	Khu nhà Dược 3 tầng	1.113,0	6.616.924.683	4.795.251.953
5	Trung tâm thực hành khám chữa bệnh (nhà hiệu bộ cũ)	580,0	3.136.878.709	2.460.198.245
6	Khu nhà D	646,0	4.507.880.704	3.696.462.176
7	Khu nhà T (3 tầng C3 cũ)	1.120,0	6.682.065.843	4.981.057.626
8	Nhà ký túc xá SV (Ký túc xá 5 tầng cũ), nhà ăn, câu LB, trạm y tế,	2.216	17.010.910.579	10.834.720.009
9	Nhà ký túc xá 4 tầng	2.268	7.931.285.068	4.332.133.945
10	Nhà Ký túc xá 5 tầng (Dự án XD Nhà giảng đường KTX, Trung tâm TH khám chữa bệnh, xưởng dược, sân vườn)	1.058,4	12.074.930.650	10.988.010.276
11	Nhà kho và hồ sơ lưu trữ	191,0	986.029.000	729.661.460
12	Hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ (DA XD Nhà giảng đường, KTX, TTTH khám chữa bệnh, xưởng dược, sân vườn)		8.584.159.708	4.281.059.482
	Cộng	13.611,9	57.018.410.404	38.841.145.405

14) Quyền sử dụng đất thuộc hoạt động sự nghiệp.

Quyền sử dụng đất thuộc hoạt động sự nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông:

- Diện tích đất toàn trường: 15.664m²

- Diện tích đất đã xây dựng: 4.685,5m²

- Diện tích sàn xây dựng các khối công trình: 13.611,9m²

- Diện tích đất dành cho khuôn viên cây xanh, đường giao thông nội khu và các công trình phụ trợ: 10.978,5m²

- Giá trị đất đến 31/12/2024: 456.254.726.400 VNĐ

15) Xe ô tô.

+ Xe ô tô con: Nhãn hiệu: Toyota Camry

+ Biển kiểm soát: 29M-00598

+ Số chỗ ngồi: 05 chỗ

+ Nước sản xuất: Việt Nam

+ Năm sản xuất: 2001

+ Năm đưa vào sử dụng: 2012

+ Chức danh sử dụng xe: sử dụng chung

+ Nguyên giá theo sổ kế toán: 387.200.000VNĐ

+ Giá trị còn lại đến 31/12/2024: 0 VNĐ

+ Hoạt động sự nghiệp: Không kinh doanh

16) Tài sản cố định khác.

+ Tài sản cố định khác: gồm máy tính, máy in, máy chiếu, điều hòa, trang thiết bị phòng học, phòng làm việc ... có tổng nguyên giá: 44.822.652.034 VNĐ.

+ Giá trị còn lại đến 31/12/2024: 3.194.230.807 VNĐ.

1.2. Tài sản đang sử dụng vào mục đích cho thuê:

Kết quả sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê của 02 năm liền trước khi xây dựng đề án.

Stt	Tên tổ chức/cá nhân thuê	Nội dung thuê	Diện tích sử dụng (m ²)	Vị trí cho thuê mặt bằng	Ghi chú
1	Vũ Văn Thắng	Trông giữ xe	500	Sân sau giảng đường nhà A, nhà Dục 3 tầng	
2	Nguyễn Văn Sơn	Cung cấp dịch vụ ăn uống cho HSSV và CBGV	120	Nhà ăn KTX	

- **Hình thức cho thuê:** khai thác mặt bằng hiện có để cho thuê khai thác cung cấp các dịch vụ thiết yếu phục vụ HSSV và cán bộ giáo viên nhà trường.

- **Kết quả tài chính:**

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU TỪ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE VÀ CĂNG TÍN

Đơn vị tính: đồng

Tt	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
----	----------	----------	----------	---------

1	Nhà xe	103.400.000	100.225.000	
2	Nhà ăn căng tin	72.125.000	74.575.000	
	Tổng	175.525.000	174.800.000	

Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với ngân sách nhà nước: Thuế GTGT theo tỷ lệ trực tiếp trên doanh thu (5%); Thuế thu nhập doanh nghiệp khoán theo thuế suất 5% doanh thu.

Đánh giá: kết quả thu hoạt động cho thuê của trường còn hạn chế.

*** Qua khảo sát, thống kê thực tế sử dụng, Nhà trường nhận thấy:**

- Về phòng học lý thuyết, hội trường phục vụ hội thảo: Hiện đang sử dụng cho hoạt động đào tạo chính khóa vào các ngày trong tuần. Nhưng do đặc thù của trường, tỷ lệ giờ học thực hành, tích hợp chiếm 60-70%, nên lượng phòng học lý thuyết chỉ sử dụng hết khoảng 65 - 70%. Số lượng phòng học lý thuyết, hội trường phục vụ hội thảo còn trống từ 90 – 95% vào các ngày thứ bảy và chủ nhật. Số lượng phòng học lý thuyết, hội trường phục vụ hội thảo trống 100% vào các buổi tối hằng tuần.

- Về nhà đa năng (khu tập luyện TDTT): Hiện đang sử dụng toàn bộ vào việc giảng dạy học sinh, sinh viên trong giờ hành chính, còn trống ngoài giờ hành chính, các ngày chủ nhật và kỳ nghỉ hè.

- Về ký túc xá: Hiện lưu lượng sinh viên ở chỉ lấp đầy khoảng 60 – 70%.

- Nhà ăn, Căng tin: với diện tích sử dụng là: 120m².

- Về khu vực sân trường: Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 15.664 m², diện tích xây dựng chính và các công trình là: 3.905 m²; diện tích sân bãi, vườn hoa cây cảnh và đường đi nội bộ là: 11.759 m². Hiện nay nhà trường chỉ sử dụng từ 5% - 10% để làm khu để xe cho HSSV và khách đến làm việc.

Như vậy, Nhà trường chưa khai thác hết tiềm năng hiện có, còn nhiều hạng mục cơ sở vật chất chưa khai thác hết tần suất sử dụng, một số khu vực chỉ phù hợp làm các công trình phụ trợ. Do vậy, việc sử dụng tài sản vào triển khai các hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là rất cần thiết, vừa khai thác tối đa nguồn lực tài sản, vừa tạo nguồn thu nâng cao thu nhập cho VCLĐ của trường và nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀO MỤC ĐÍCH CHO THUÊ

Trên cơ sở UBND Thành phố giao quyền sử dụng đất, các loại tài sản được nhà nước đầu tư xây dựng, Trường sử dụng tài sản đúng mục đích, công năng phục vụ cho hoạt động đào tạo nghề cho học sinh, sinh viên.

Nhà trường cam kết sử dụng tài sản được đầu tư xây dựng để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất theo đúng quy định tại khoản 1 các Điều 57, 58 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

1. Sự cần thiết của việc sử dụng tài sản công vào mục cho thuê

Trong những năm qua Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông luôn bám sát chức năng nhiệm vụ được giao, xây dựng và thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị

của Thành phố giao. Tuy nhiên, công tác giáo dục dạy nghề trong các năm qua gặp không ít khó khăn trong công tác tuyển sinh và đào tạo của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông là những ngành nghề đòi hỏi nhiều kiến thức, kỹ năng khó, yêu cầu sự học tập với cường độ cao, chương trình học vất vả do phải thực hành nhiều tại thực tế tại cơ sở là các Bệnh viện, cơ sở y tế không còn phù hợp với thị hiếu người học là các bạn trẻ hiện nay mặc dù nhu cầu nhân lực lao động y tế ngày càng cần nhiều. Cần nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao đáp ứng nhu cầu của các cơ sở y tế, Bệnh viện, các Công ty Dược phẩm.... Song song với việc thực hiện tốt các chỉ tiêu, kế hoạch cấp trên giao. Để có kinh phí chủ động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại đơn vị hiện tại và trong những năm tiếp theo, Nhà trường cần khai thác, sử dụng tài sản nhà nước giao một cách hiệu quả.

Mặt khác, trường tự chủ 100% chi thường xuyên, nhất là trong bối cảnh hiện nay mức lương cơ bản tăng, các ngành nghề đòi hỏi chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong khi đó nguồn kinh phí NSNN cấp cho đầu tư cơ sở vật chất còn hạn hẹp. Vì vậy, trường cần phải quan tâm hơn nữa công tác xã hội hóa về đầu tư cơ sở vật chất dịch vụ để tăng nguồn thu đồng thời tăng chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Do vậy việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của nhà trường là cần thiết, cụ thể:

- Khai thác tối đa công suất sử dụng tài sản công của nhà trường tránh lãng phí.
- Việc sử dụng tài sản được giao phục vụ chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao, đồng thời tiếp tục sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê trong các hoạt động đào tạo và khai thác dịch vụ góp phần thúc đẩy các hoạt động chuyên môn, nâng cao hiệu quả tuyển sinh, thúc đẩy các hoạt động dịch vụ..., tăng nguồn thu cho nhà trường để góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên và có kinh phí để sửa chữa, tu bổ các hạng mục công trình bị xuống cấp theo thời gian. Giảm gánh nặng chi từ nguồn Ngân sách nhà nước về đầu tư cơ sở vật chất cho trường.

Đối với tài sản cho thuê của trường khi cho thuê không ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về công tác giảng dạy và học tập của nhà trường mà việc đó còn tăng nguồn thu cho nhà trường.

2. Nguyên tắc trung khi xây dựng phương án

- Tuân thủ pháp luật: Mọi hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải tuân thủ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; công văn số 5098/STC-QLS ngày 05/5/2025 của Sở tài chính về một số nội dung liên quan trong triển khai quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị quyết 28/2024/NQ-HĐND và các quy định khác có liên quan, không vi phạm các điều cấm của luật.

- Đảm bảo mục tiêu giáo dục: Ưu tiên mục tiêu phục vụ hoạt động đào tạo và không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ của Trường.

- Khai thác hiệu quả, bền vững: Lựa chọn các hình thức khai thác phù hợp, vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế, vừa đảm bảo an toàn và phát triển giá trị tài sản công, duy tu bảo dưỡng định kỳ để tăng niên hạn sử dụng tài sản công. Không làm thay đổi kết

cấu, kiến trúc, nguyên trạng của tài sản công (trừ trường hợp đầu tư thêm để nâng cao giá trị sử dụng của tài sản; phần giá trị tài sản đầu tư thêm sẽ thuộc về Nhà trường sau khi hết thời hạn khai thác). Không làm mất quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản công của Trường.

- Công khai, minh bạch: Xây dựng phương án rõ ràng, công khai, minh bạch đặc biệt về các nội dung: đối tượng, phạm vi, hình thức, giá cả, quy trình thực hiện và quản lý nguồn thu.

- Phù hợp đặc điểm, tiềm năng của từng loại tài sản: Đề án thể hiện riêng cho từng loại tài sản (tài sản phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường, tài sản phục vụ cho hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường...)

- Linh hoạt, khả thi: Phương án đảm bảo tính linh hoạt, có khả năng điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn và biến động của thị trường, đồng thời đảm bảo tính khả thi về các nguồn lực và năng lực thực hiện của trường.

3. Tài sản dự kiến sử dụng vào mục đích cho thuê

3.1. Thông tin tài sản

TT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCD	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (Đồng)	Giá trị còn lại 31/12/2024 (Đồng)
1	Nhà hiệu bộ 7 tầng	3.049,5	24.777.088.000	20.924.022.966
2	Khu nhà A2, A3	640,0	2.359.014.388	1.518.899.812
3	Nhà thể chất	730,0	7.170.450.527	5.882.971.229
4	Khu nhà Dược 3 tầng	1.113,0	6.616.924.683	4.795.251.953
5	Trung tâm thực hành khám chữa bệnh (nhà hiệu bộ cũ)	580,0	3.136.878.709	2.460.198.245
6	Khu nhà D	646,0	4.507.880.704	3.696.462.176
7	Khu nhà T (3 tầng C3 cũ)	1.120,0	6.682.065.843	4.981.057.626
8	Nhà ký túc xá SV (Ký túc xá 5 tầng cũ), nhà ăn, câu LB, trạm y tế,	2.216	17.010.910.579	10.834.720.009
9	Nhà ký túc xá 4 tầng	2.268	7.931.285.068	4.332.133.945
10	Nhà Ký túc xá 5 tầng (Dự án XD Nhà giảng đường KTX, Trung tâm TH khám chữa bệnh, xưởng dược, sân vườn)	1.058,4	12.074.930.650	10.988.010.276
11	Nhà kho và hồ sơ lưu trữ	191,0	986.029.000	729.661.460
12	Hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ (DA XD Nhà giảng đường, KTX, TTTH khám chữa		8.584.159.708	4.281.059.482

TT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Diện tích (m ²)	Nguyên giá (Đồng)	Giá trị còn lại 31/12/2024 (Đồng)
	bệnh, xương được, sân vườn)			
	Cộng	13.611,9	57.018.410.404	38.841.145.405

3.2. Tài sản dự kiến sử dụng vào mục đích cho thuê

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng cho thuê (dự kiến)	Vị trí	Mục đích sử dụng cho hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết
1	Phòng học lý thuyết; (trong giờ hành chính)	Phòng	06	Nhà 7 tầng, Nhà A, Nhà T, Nhà D	Phục vụ đào tạo các lớp ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng, Hội thảo, hội thi và các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo nhu cầu người học
2	Phòng học lý thuyết; (ngoài giờ hành chính, thứ 7, CN)	Phòng	21	Nhà 7 tầng, Nhà A, Nhà T, Nhà D	Phục vụ đào tạo các lớp ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng, Hội thảo, hội thi và các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo nhu cầu người học
3	Khu vực trông giữ xe	m ²	500	Sân trước , sân sau giảng đường nhà A, nhà giảng đường 3 tầng nhà T, nhà Được 3 tầng	Trông giữ xe cho HSSV ngày đêm, cho khách bao gồm xe máy và xe ô tô
4	Ký túc xá sinh viên	Phòng	15	Khu ký túc xá 4 tầng, ký túc xá 5 tầng	Làm nơi lưu trú cho học sinh, sinh viên, học viên thuộc các khóa học, chương trình đào tạo ngắn hạn của các cơ quan tổ chức trên địa bàn
5	Vị trí đặt máy bán hàng tự động	Máy	03	Giảng đường A, giảng đường T, Nhà 7 tầng	Cung cấp vị trí đặt máy bán hàng tự động
6	Vị trí đặt cây ATM	Cây	01	Vị trí phù hợp ở sân trường	Cung cấp dịch vụ cho sinh viên và cán bộ, viên chức, NLĐ nhà trường

7	Hội trường tổ chức hội thảo/hội nghị	HT	01	Hội trường 203	Phục vụ hội nghị, hội thảo
8	Nhà thể chất/ đa năng	m ²	300	Nhà thể chất	Phục vụ hội thao, hội nghị, hội thảo lớn và cung cấp dịch vụ phục vụ hoạt động TDDT
9	Căng tin nhà ăn sinh viên	m ²	120	Tầng 1 Khu nhà thực hành kỹ năng điều dưỡng	Cung cấp dịch vụ ăn uống và cửa hàng tiện ích
10	Vị trí đặt biển quảng cáo cho doanh nghiệp	m ²	5-7 m ² /biển	Theo thực tế	Truyền thông quảng cáo cho các doanh nghiệp
11	Vị trí đặt trạm sạc xe điện	m ²	10 trạm sạc	Theo thực tế	Cung cấp vị trí trạm đặt sạc xe điện
12	Vị trí lắp đặt hệ thống giặt sấy tự động khu KTX	m ²	14 máy	Theo thực tế	Cung cấp hệ thống giặt sấy thông minh tự động tại cho sinh viên ở KTX của nhà trường

3.3. Thời gian thực hiện cho thuê

Thực hiện 5 năm, từ 2025 đến 2029 (hoặc lâu dài)

3.4. Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê

3.4.1. Phương án:

Cho thuê tài sản thực hiện theo hình thức đấu giá tài sản hoặc cho thuê trực tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐCP và khoản 41 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo lựa chọn được đơn vị có năng lực, kinh nghiệm, giá cho thuê hợp lý, cạnh tranh.

3.4.2. Hình thức:

Đấu giá toàn bộ hoặc một phần mặt bằng theo điều kiện cụ thể của Nhà trường và đối tác. Giá khởi điểm để đấu giá do Hiệu trưởng quyết định phù hợp với giá cho thuê trên thị trường của tài sản cùng loại. Hiệu trưởng được phép thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê đơn vị thẩm định giá để xác định giá làm cơ sở giá khởi điểm đấu giá cho thuê tài sản.

Cho thuê trực tiếp toàn bộ hoặc một phần mặt bằng theo điều kiện cụ thể của Nhà trường và đối tác. Hình thức cho thuê trực tiếp được áp dụng trong trường hợp cho thuê tài sản trong thời gian dưới 30 ngày/1 lần thuê hoặc có giá trị gói thuê dưới 50 triệu đồng/1 lần thuê.

Hiệu trưởng xác định và ban hành giá cho thuê theo các văn bản quy định hiện hành.

Đối với dịch vụ trông giữ xe: Tạo điều kiện để viên chức, người lao động nhà trường có nguyện vọng được tham gia thực hiện nhiệm vụ trông giữ xe, để nhằm tăng thêm thu nhập theo đúng quy định; các cá nhân, tổ được lựa chọn giao nhiệm vụ trông giữ xe thì Hiệu trưởng ra quyết định giao nhiệm vụ và hợp đồng giao khoán cho cá nhân hoặc tổ đó.

3.4.3. Đối tượng cho thuê:

Các doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh cá thể.

Yêu cầu đối với đơn vị thuê: Đảm bảo phục vụ đúng các yêu cầu quy định trong hợp đồng, tuân thủ các quy định về PCCC, an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh trật tự, đảm bảo vệ sinh môi trường và các quy định khác của Trường.

3.4.4. Thời gian:

Theo thỏa thuận giữa hai bên và tối đa không quá 5 năm.

3.4.5. Diện tích cho thuê:

Tùy theo nhu cầu của đối tác và khả năng bố trí của Nhà trường, ưu tiên khai thác các hạng mục chưa khai thác hết công suất.

3.4.6. Danh sách các hạng mục tài sản cho thuê theo hình thức đấu giá tài sản hoặc cho thuê trực tiếp:

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng cho thuê (m ² dự kiến)	Giá cho thuê tối thiểu (Đồng)	Mục đích sử dụng cho hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết
1	Phòng học lý thuyết; (trong giờ hành chính)	Phòng	06	100.000đ/giờ/ phòng hoặc 800.000đ/ngày/ phòng	Phục vụ đào tạo các lớp ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng, Hội thảo, hội thi và các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo nhu cầu người học
2	Phòng học lý thuyết (ngoài giờ hành chính, thứ 7, CN)	Phòng	21	130.000đ/giờ	Phục vụ đào tạo các lớp ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng, Hội thảo, hội thi và các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo nhu cầu người học
3	Cung cấp dịch vụ trông giữ xe	m ²	500	19.500.000đ/tháng	Trông giữ xe cho HSSV ngày đêm, cho khách bao gồm xe máy và xe ô tô
4	Ký túc xá sinh viên (phòng điều hòa + bình nước nóng)	Phòng	15	3.200.000đ/tháng/ phòng 8 người	Làm nơi lưu trú cho học sinh, sinh viên, học viên thuộc các khóa học, chương trình đào tạo ngắn

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng cho thuê (m ² dự kiến)	Giá cho thuê tối thiểu (Đồng)	Mục đích sử dụng cho hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết
					hạn của các cơ quan tổ chức trên địa bàn
5	Vị trí đặt máy bán hàng tự động	Máy	03	1.200.000đ/máy/tháng	Cung cấp vị trí đặt máy bán hàng tự động
6	Vị trí đặt cây ATM	Cây	01	1.200.000đ/máy/tháng	Cung cấp dịch vụ cho sinh viên và cán bộ, viên chức, NLD nhà trường
7	Hội trường tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn	HT	01	2.000.000đ/buổi/hoặc 4.000.000đ/ngày	Phục vụ hội nghị, hội thảo
8	Nhà thể chất/ đa năng (ngoài giờ hành chính, thứ 7, CN)	m ²	300	50.000đ/giờ hoặc 7.000.000đ/tháng	Phục vụ hội thao, hội nghị, hội thảo lớn và cung cấp dịch vụ phục vụ hoạt động TDTT
9	Căng tin nhà ăn sinh viên	m ²	120	12.960.000đ/tháng	Cung cấp dịch vụ ăn uống và cửa hàng tiện ích
10	Vị trí đặt biển quảng cáo cho doanh nghiệp	m ²	5-7 m ² /biển	400.000đ/tháng	Truyền thông quảng cáo cho các doanh nghiệp
11	Vị trí đặt trạm sạc xe điện	m ²	10 trạm sạc	Theo tỷ lệ lợi nhuận	Cung cấp vị trí trạm đặt sạc xe điện
12	Vị trí lắp đặt hệ thống giặt sấy tự động khu KTX	m ²	14 máy	Theo tỷ lệ lợi nhuận	Cung cấp hệ thống giặt sấy thông minh tự động tại cho sinh viên ở KTX của nhà trường

3.5. Phương án tài chính của cho thuê

3.5.1. Dự kiến tổng doanh thu:

- Doanh thu được ước tính trên các hợp đồng đang thực hiện và cơ sở điều tra, khảo sát, thu nhập các thông tin về giá cho thuê..., giá cung cấp dịch vụ và các yếu tố khác hình thành doanh thu của các khu vực khả năng sinh lời, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tương đương tại thời điểm lập đề án.

3.5.2. Chi phí thực hiện chi trả các chi phí liên quan đến việc sử dụng tài sản công để cho thuê:

a) Chi phí hợp lý:

- Chi quản lý, vận hành tài sản trong thời gian kinh doanh, cho thuê: Chi phí kinh doanh; chi phí quản lý; chi phí trực tiếp cấu thành dịch vụ (như: chi phí vật tư, vật phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, nhân công), cụ thể:

+ Chi trả tiền lương/tiền công cho Công chức, viên chức và người lao động trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

+ Chi trả chi phí vật tư, vật liệu phát sinh (nếu có).

+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản dùng kinh doanh, cho thuê.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định đối với các tài sản công trực tiếp sử dụng vào mục đích cho thuê theo quy định của Bộ Tài Chính về chế độ hạch toán, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại đơn vị. Chi phí khấu hao tài sản cố định được phân bổ cho từng hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, cho thuê để hạch toán chi phí cho từng hoạt động tương ứng.

- Chi phí thẩm định giá, định giá, đấu giá tài sản

b) Chi trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có)

c) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước

d) Phần còn lại trích lập quỹ phúc lợi, quỹ phát triển sự nghiệp của nhà trường theo quy định.

3.5.3. Dự toán chi phí, thanh toán chi phí liên quan đến việc cho thuê tài sản công:

Thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường, đảm bảo minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả. Hiệu trưởng phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí.

3.5.4. Mức chi làm căn cứ làm dự toán chi phí, thanh toán chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài sản công:

Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do trường, người có thẩm quyền (Hiệu trưởng) quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định.

Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan được thực hiện theo hợp đồng giữa trường và tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định trên, người đứng đầu đơn vị (Hiệu trưởng) quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3.6. Dự kiến doanh thu, chi phí

Số nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi, tỷ trọng nguồn thu từ việc sử dụng giảng đường, sân vườn, đất trống và ký túc xá vào mục đích cho thuê trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, dự kiến như sau:

TT	Năm	Dự kiến doanh thu (đồng)	Chi phí ước tính 40% (đồng)	Nộp thuế GTGT và thuế TNDN(10%trên tổng DT (đồng)	Chênh lệch thu, chi (đồng)
1	2025	500.000.000	200.000.000	50.000.000	250.000.000

	(4 tháng cuối năm				
2	2026	3.000.000.000	1.200.000.000	300.000.000	1.500.000.000
3	2027	3.800.000.000	1.520.000.000	380.000.000	1.900.000.000
4	2028	4.800.000.000	1.920.000.000	480.000.000	2.400.000.000
5	2029	5.800.000.000	2.320.000.000	580.000.000	2.900.000.000

Ghi chú:

- Dự kiến mỗi năm tăng giá cho thuê, số lượng ngày cho thuê tùy theo tình hình thực tiễn kinh tế - xã hội tại thời điểm thương thảo, thay đổi giá trị hợp đồng.

- Mức thuế 10% dự kiến nộp Ngân sách Nhà nước bao gồm 5% thuế GTGT theo tỷ lệ trực tiếp trên doanh thu và 5% thuế thu nhập doanh nghiệp khoán theo thuế suất theo quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2023/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.

3.7. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cho thuê

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công (Hiệu trưởng) chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng số tiền thu được theo quy định.

Số tiền thu được từ hoạt động cho thuê của trường là chênh lệch giữa doanh thu trừ đi chi phí, được xác định là khoản thu hợp pháp của nhà trường và được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công tại Khoản 6 khoản 7 Điều 46 Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường, được theo dõi riêng để tạo nguồn kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế tài sản được sử dụng cho thuê. Trường hợp tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay, vốn huy động thì số tiền trích khấu hao tài sản cố định được dùng để trả nợ; số còn lại bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Đơn vị.

Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông chỉ trả các chi phí hợp lý liên quan đến việc sử dụng tài sản công cho thuê gồm: chi phí định giá, thẩm định giá, đấu giá tài sản cho thuê, chi phí quản lý vận hành trong thời gian thực hiện cho thuê và các chi phí hợp lý khác liên quan.

Sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định, Trường sử dụng phần chênh lệch thu lớn hơn chi theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Trích nguồn cải cách tiền lương.

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, tối thiểu 25%
- Trích lập quỹ phúc lợi. Quỹ khen thưởng, quỹ dự phòng, ổn định thu nhập.

3.8. Phương án sử dụng lao động tại trường khi sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê

- Nguồn lao động: Ưu tiên sử dụng nguồn lao động hiện có của trường, kết hợp tuyển dụng thêm nhân sự bên ngoài khi cần thiết hoặc thuê đơn vị cung cấp dịch vụ.
- Phòng HCTH: Là đầu mối phân công cán bộ theo dõi, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa tài sản sử dụng cho thuê. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân thực hiện hợp đồng với nhà trường.
- Phòng Kế hoạch Tài chính: Phân công cán bộ theo dõi hạch toán thu chi từng hợp đồng cụ thể.

3.9. Phương án đảm bảo nguồn tài chính, nguồn nhân lực cho hoạt động của Nhà trường và các đơn vị cho thuê

3.9.1. Nguyên tắc định giá:

- Giá cho thuê, giá hợp tác phải được xác định trên cơ sở giá thị trường tại thời điểm cho thuê, hợp tác, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, cạnh tranh, tối đa hiệu quả kinh tế và không thấp hơn mức giá tối thiểu được quy định tại Đề án này.
- Giá cho thuê, giá hợp tác cần phù hợp chất lượng, vị trí, diện tích, tiện nghi, thời hạn cho thuê/hợp tác và các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, được Hội đồng định giá của Nhà trường thông qua trên cơ sở mức giá tối thiểu.

3.9.2. Phương pháp xác định giá:

- Phương pháp so sánh thị trường: Tham khảo giá cho thuê, giá hợp tác của các tài sản tương tự trên thị trường, đặc biệt trong khu vực địa bàn lân cận Trường.
- Phương pháp chi phí cộng lợi nhuận: Xem xét các chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản (chi phí quản lý, bảo trì, vận hành, khấu hao...) và xác định mức lợi nhuận hợp lý để tính toán giá cho thuê/hợp tác.
- Phương pháp chiết khấu dòng tiền: Đối với các dự án cho thuê dài hạn, có thể sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền để xác định giá trị hợp tác và tỷ lệ phân chia lợi nhuận hợp lý.

3.9.3. Cơ chế điều chỉnh giá:

- Điều chỉnh định kỳ: Giá cho thuê, giá hợp tác có thể được điều chỉnh định kỳ hàng năm để phản ánh sự thay đổi của thị trường và đảm bảo giá luôn phù hợp thực tế giá trị của tài sản.
- Căn cứ điều chỉnh: Căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng (CPI), biến động giá tiêu dùng của các dịch vụ tương tự, chất lượng và tiện nghi của tài sản, các yếu tố khác tác động đến giá trị tài sản.
- Thỏa thuận điều chỉnh giá trong hợp đồng: Cơ chế điều chỉnh giá cần được quy định rõ trong hợp đồng để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi của các bên.

4. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án cho thuê

- Nhà trường cam kết thực hiện đúng chức năng, chấp hành đúng quy định Nhà nước. Cụ thể, phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; công văn số 5098/STC-QLS ngày 05/5/2025 của Sở tài chính về một số nội dung liên quan trong triển khai quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản, cơ sở vật chất: Sử dụng tài sản và khai thác CSVC của trường vào mục đích cho thuê nhằm tận dụng cơ sở vật chất chưa sử dụng hết công năng, công suất vào đúng mục đích, phù hợp với nhu cầu cần thiết trong nhà trường, góp phần quản lý hiệu quả hơn.

- Về hiệu quả kinh tế: Kinh phí thu được hàng năm đủ để duy tu bảo dưỡng thường xuyên cho cơ sở vật chất nhà trường góp phần giảm chi đáng kể cho ngân sách trường, đảm bảo hoạt động của nhà trường cũng như hỗ trợ các hoạt động sự nghiệp trong trường.

- Về mặt xã hội: Cơ sở vật chất của trường sẽ tiếp tục là nơi để nhà trường thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra một môi trường giáo dục lành mạnh, thực hiện tốt hơn việc xã hội hóa giáo dục trong đào tạo do điều kiện cơ sở vật chất được cải thiện đáp ứng yêu cầu xã hội.

- Tăng hiệu quả quản lý tài sản của Nhà nước. Đóng góp đáng kể kinh phí cho việc duy tu, bảo dưỡng tài sản nhà trường. Đồng thời, tăng thêm trang thiết bị, cần thiết cho việc dạy và học, đảm bảo công trình bền vững theo thời gian.

- Dự kiến chênh lệch thu chi bình quân hàng năm của nhà trường trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê 04 tháng cuối năm 2025:

+ Dự kiến tổng thu: 500.000.000 đồng

+ Nộp thuế: 50.000.000 đồng

+ Chi phí (dự kiến 40%): 200.000.000 đồng

+ Chênh lệch thu, chi: 250.000.000 đồng

Số tiền chênh lệch trên đã bổ sung kinh phí hoạt động cho nhà trường chiếm tỷ lệ: 0.41% (tổng thu của trường dự kiến năm 2025: 61.485 tỷ).

III. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀO MỤC ĐÍCH CHO THUÊ

1. Nguyên tắc

Việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao.

- Thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch; được giám sát, thanh tra, kiểm tra; mọi hành vi vi phạm pháp luật phải được xử lý kịp thời,

TH
ƯỜNG
ĐẠI
TỔ
ĐƠN

nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản công sử dụng vào mục đích cho thuê được lấy từ nguồn thu được từ việc cho thuê của đơn vị hoặc theo thỏa thuận tại Hợp đồng (nếu có).

- Việc sử dụng tài sản gắn liền với đất và giá trị quyền sử dụng đất tại đơn vị vào mục đích cho thuê thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Điều kiện đối với nhà trường

- Phải có Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê và được người có thẩm quyền quyết định theo quy định.

- Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hoạt động cung cấp dịch vụ công tại đơn vị.

- Tài sản công vào mục đích cho thuê được sử dụng đúng công năng, mục đích sử dụng tài sản được giao, đầu tư, xây dựng, mua sắm. Không làm thay đổi kết cấu, kiến trúc, nguyên trạng tài sản công (trừ trường hợp đầu tư thêm để nâng cao giá trị sử dụng của tài sản; phần giá trị tài sản đầu tư thêm thuộc về đơn vị có tài sản sau khi hết thời hạn cho thuê; Nhà nước không bồi hoàn phần giá trị đầu tư thêm); không làm mất quyền sử dụng đất của đơn vị, quyền sở hữu về tài sản công.

- Không vi phạm các điều của Luật.

3. Điều kiện của các đối tác tham gia

- Đối tác là các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Nhà trường; các tổ chức xã hội/ngành nghề nghiệp; các cơ sở giáo dục và đào tạo khác; các quỹ đầu tư, tổ chức tài chính; các doanh nghiệp khoa học công nghệ, trung tâm ươm tạo và đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng lĩnh vực dịch vụ, kinh doanh mà trường muốn triển khai.

- Nhà trường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh để tăng cường hiệu quả sử dụng tài sản công của trường đồng thời cùng nhau tạo ra doanh thu cần đảm bảo các điều kiện: Năng lực pháp lý và năng lực thực hiện hợp đồng; Mục tiêu hợp tác phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường; Lợi ích hợp tác hài hòa, công bằng; Hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học...

4. Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc thời gian liên doanh, liên kết hoặc Chấm dứt hợp đồng trước hạn (đối với tài sản công vào mục đích cho thuê)

Việc xử lý tài sản thực hiện theo đúng nguyên tắc, quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan liên quan.

- Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Kế hoạch xây dựng Đề án theo quy định;

- Hiệu trưởng triển khai lấy ý kiến tập thể lãnh đạo Trường và của toàn thể viên chức, người lao động về nội dung đề án.

- Hoàn thiện Đề án, Hiệu trưởng báo cáo Hội đồng trường xem xét, quyết định Đề án.

- Hội đồng trường Quyết định Đề án. Hiệu trưởng triển khai công bố công khai Đề án được phê duyệt.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Đề án được Hội đồng trường quyết định, Hiệu trưởng gửi Quyết định và Đề án được phê duyệt cho Cơ quan quản lý cấp trên và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, thời gian công khai ít nhất 30 ngày.

- Hiệu trưởng Nhà trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án theo quy định.

Tất cả hoạt động sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê phải được lập thành Hợp đồng theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng được ký kết, Nhà trường phải gửi bản sao Hợp đồng đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) cho cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, giám sát.

6. Thời hạn thực hiện đề án: 10 năm kể từ ngày Đề án được phê duyệt

7. Thời gian đề án có hiệu lực: theo thời hạn quy định tại Quyết định phê duyệt Đề án

IV. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đề án được phê duyệt, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

1. Ban Giám hiệu

Lãnh đạo, chỉ đạo trung để Đề án thực hiện đúng hướng. Phê duyệt các phương án tổng thể và phương án chi tiết cho từng hạng mục của Đề án, đảm bảo các điều kiện thực hiện đề án. Đánh giá tiến độ và hiệu quả thực hiện Đề án, báo cáo Hội đồng trường vào các kỳ báo cáo theo quy định.

2. Đơn vị được giao đầu mối thực hiện Đề án (Phòng HCTH)

- Đầu mối triển khai thực hiện một hoặc một số nội dung của Đề án.
- Xây dựng kế hoạch và phương án cho từng hạng mục được giao, từng loại hình khai thác.
- Tổ chức các hoạt động khai thác, tìm kiếm đối tác, tham mưu hợp đồng, quản lý vận hành, đảm bảo chất lượng dịch vụ.
- Định kỳ theo năm báo cáo và đánh giá hiệu quả hoạt động dịch vụ.
- Quản lý tài sản công đảm bảo đúng quy định, không để thất thoát.
- Thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản định kỳ hàng năm, theo dõi sát biến động tài sản.
- Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng tài sản định kỳ.

3. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Tham mưu cơ chế tài chính, cơ chế thu chi, đảm bảo tuân thủ theo các quy



định của pháp luật.

- Hướng dẫn các nghiệp vụ tài chính, kế toán cho các đơn vị liên quan.
- Kiểm soát thu chi đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, minh bạch.
- Lập dự toán, các báo cáo tài chính, quyết toán kinh phí theo năm.
- Đảm bảo các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp khác đúng quy định.

4. Các phòng, bộ môn, trung tâm

- Phối hợp các đơn vị liên quan để Đề án hoạt động không ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo của Trường.
- Ưu tiên sử dụng các dịch vụ do Đề án cung cấp.
- Tham gia các hoạt động hợp tác đào tạo theo chuyên môn của đơn vị.
- Thực hiện chức năng giám sát, phản ánh các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG



Lê Thị Thu Trang

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Trường